

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/KDTM-ST**

Ngày: 31-8-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH X Việt Nam; địa chỉ: xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng P - Chức vụ: Giám đốc kinh doanh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020).

2. Bị đơn: Công ty TNHH D Việt Nam; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam trình bày:

Vào ngày 02/5/2018, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam và Công ty TNHH D Việt Nam ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cung cấp dịch vụ số 01/2018/HDNT-SCNTT-DOWON, theo đó Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam

đồng ý bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên Công ty TNHH D Việt Nam; Công ty Dowon đồng ý mua những mặt hàng và dịch vụ theo yêu cầu sử dụng của bên Công ty TNHH D Việt Nam.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 13/10/2018 đến ngày 02/4/2019, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam đã bán sợi cho Công ty TNHH D Việt Nam theo các hóa đơn điện tử số 197, 198, 229, 314, 316 và 432 (Mỗi lần giao hàng là kèm theo 01 hóa đơn GTGT) và Công ty TNHH D Việt Nam hiện còn thiếu Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền là 468.465.690 đồng. Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH D Việt Nam phải trả số tiền trên nhưng Công ty TNHH D Việt Nam vẫn không chịu thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình.

Nay, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam yêu cầu Công ty TNHH D Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền mua sợi còn thiếu là 468.465.690 đồng và lãi phát sinh từ tháng 5/2019 đến tháng 4/2000 với số tiền là 11.243.172 đồng.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty TNHH D Việt Nam không đến Tòa án làm việc, không làm bản tự khai và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH D Việt Nam được.

[3]. Tại phiên tòa;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt;
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do;
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; phía bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 4 năm 2020, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam yêu cầu Công ty TNHH D Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền mua sợi còn thiếu là 468.465.690 đồng và lãi phát sinh từ tháng 5/2019 đến tháng 4/2000 với số tiền là 11.243.172 đồng, đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cung cấp dịch vụ số 01/2018/HDNT-SCNTT-DOWON ngày 02/5/2018 đã ký giữa các bên nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty TNHH D Việt Nam có trụ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 02/5/2018, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam và Công ty TNHH D Việt Nam ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cung cấp dịch vụ số 01/2018/HDNT-SCNTT-DOWON. Theo đó, từ ngày 13/10/2018 đến ngày 02/4/2019, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam đã bán sợi cho Công ty TNHH D Việt Nam theo các hóa đơn điện tử số 197, 198, 229, 314, 316 và 432. Như vậy, Hợp đồng mua bán ngày 02/5/2018 đã được người đại diện hợp pháp của các bên ký và đóng dấu; đối tượng của hợp đồng là sợi không thuộc hàng hóa cấm kinh doanh, hàng hóa hạn chế kinh doanh theo quy định tại Điều 25 của Luật Thương mại nên hợp đồng mua bán đã ký có giá trị thi hành đối với các bên.

[3]. Xét yêu cầu về số tiền mua bán sợi còn thiếu là 468.465.690 đồng, xét thấy: Từ ngày 13/10/2018 đến ngày 02/4/2019, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam đã bán sợi cho Công ty TNHH D Việt Nam theo các hóa đơn điện tử số 197, 198, 229, 314, 316 và 432. Mỗi lần giao hàng Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam kèm theo hóa đơn GTGT vào các ngày 13/10/2018, 06/11/2018, 03/01/2019, 19/01/2019, 21/01/2019 và ngày 02/4/2019 (BL11-17); tổng số tiền Công ty TNHH D Việt Nam đã

mua sợi của Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam là 578.465.690 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty TNHH D Việt Nam đã thanh toán cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền là 60.000.000 đồng, đến ngày 09/01/2020 tiếp tục thanh toán số tiền là 50.000.000 đồng và còn thiếu lại số tiền là 468.465.690 đồng. Số tiền này, được các bên đối chiếu tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 09/01/2020 (BL18). Theo phía Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam thì từ sau ngày 09/01/2020 cho đến nay, phía Công ty TNHH D Việt Nam không thanh toán thêm cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền nào khác. Trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu nào thể hiện Công ty TNHH D Việt Nam có thanh toán cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam một phần hay toàn bộ số tiền còn thiếu kể từ ngày 09/01/2020. Do vậy, việc Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam yêu cầu Công ty TNHH D Việt Nam phải trả số tiền mua sợi còn thiếu là 468.465.690 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[4]. Đối với số tiền lãi phát sinh từ tháng 5/2019 đến tháng 4/2020 là 11.243.172 đồng, xét thấy: Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng về giá cả và phương thức thanh toán thì *“Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán cho bên A trong vòng 30 ngày sau khi 02 bên đối chiếu công nợ bằng bảng kê mà bên A đã cung cấp và được bên B ký xác nhận...”*. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án chỉ có bảng đối chiếu công nợ vào ngày 30/6/2019 và ngày 09/01/2020; do đó chỉ có cơ sở tính lãi từ tháng 8/2019 đến hết tháng 4/2020 là 09 tháng, việc Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam yêu cầu cầu tính lãi từ tháng 5/2019 đến hết tháng 4/2020 chỉ được chấp nhận một phần. Ngoài ra, về lãi suất, Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam chỉ yêu cầu tính lãi suất là 0,2%/tháng là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên được chấp nhận.

Buộc Công ty TNHH D Việt Nam phải trả lãi cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền là:

$468.465.690 \text{ đồng} \times 0,2\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng (từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020)} = 8.432.400 \text{ đồng}.$

[5]. Tổng cộng, buộc Công ty TNHH D Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền mua sợi còn thiếu và lãi phát sinh là: 476.898.090 đồng.

[6]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[7]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam phải chịu trên số tiền lãi không được Tòa án chấp nhận là: 11.243.172 đồng - 8.432.400 đồng = 2.810.772 đồng; với số tiền án phí là: 3.000.000 đồng;

- Công ty TNHH D Việt Nam phải chịu trên số tiền phải trả cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền là 476.898.090 đồng, với số tiền án phí cụ thể là:

$20.000.000 \text{ đồng (của số tiền là 400.000.000 đồng)} + 4\% \times 76.898.090 \text{ đồng (của số tiền vượt quá 400.000.000 đồng)} = 23.076.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 24, 25, 50 và 306 của Luật Thương mại; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với bị đơn là Công ty TNHH D Việt Nam.

1.1. Buộc Công ty TNHH D Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền mua sợi còn thiếu và lãi phát sinh là: 476.898.090 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi đồng).

1.2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH D Việt Nam phải nộp số tiền 23.076.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

2.2. Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 11.595.000 đồng (Mười một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041767 ngày 28/4/2020; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH Công nghiệp X Việt Nam số tiền tạm ứng án phí còn lại là 8.595.000 đồng (Tám triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Vọng